

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:...../2021/DS-ST  
Ngày 26 tháng 5 năm 2021  
Về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khả Hòa, ông Võ Minh Khôi

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Trong ngày 26/5/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-DS ngày 05/02/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-DS ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.( có mặt)

-Bị đơn: Chị **Trần Thị H1**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh G. ( vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*-Theo nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:* Chúng tôi có quen biết nhau từ trước. Ngày 30/11/2020 chị H1 có vay tiền của tôi để đáo nợ ngân hàng và thanh toán trả cho tôi đầy đủ. Ngày 24/12/2020 chị H1 lại tiếp tục vay của tôi 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) để đáo nợ ngân hàng và chị H1 viết giấy nhận nợ, tôi tin tưởng như lần trước nên cho vay. Nhưng sau khi đáo nợ xong thì chị H1 không trả số tiền đã vay, tôi xuống nhà và cố gắng liên lạc với chị H1 để yêu cầu thanh toán nợ nhưng không liên lạc được, cho đến ngày 08/01/2021 chị H1 viết giấy cam kết trả đủ tiền vay nợ cho tôi trong thời gian 15 ngày, nhưng đến nay vẫn không trả. Tôi đề nghị Tòa án buộc chị H1 phải thanh toán trả cho số tiền 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) cho tôi làm một lần. Đề nghị buộc chị H1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*-Bị đơn, chị Trần Thị H1 trình bày:* Tôi ( H1) công nhận có vay 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) của bà

Đinh Thị H để đão nợ ngân hàng, nhưng sau khi đão nợ xong thì xảy ra một việc ngoài ý muốn, nên tôi không trả lại được số tiền đã vay cho bà H. Nay bà H khởi kiện tôi chấp nhận trả, nhưng do số tiền nhiều quá lớn trả 1 lần không được, xin được trả nhiều lần cho đến khi trả xong. Trường hợp bán được nhà thì sẽ trả hết luôn.

\* Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm:

- 02 Sổ hộ khẩu (phô tô)
- 02 Giấy CMND (phô tô),
- 02 Giấy nhận nợ (bản gốc + phô tô),
- 02 Giấy cam kết (bản gốc + phô tô), Bản tự khai của đương sự.

**Tại phiên tòa:**

\* Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

\* Bị đơn vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

\* Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có văn bản hoàn trả hồ sơ vụ án và không quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 24/12/2020 bị đơn chị Trần Thị H1 có vay 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) của nguyên đơn bà Đinh Thị H để đão nợ ngân hàng và chị H1 viết giấy nhận nợ. Nhưng sau khi đão nợ xong thì chị H1 không trả số tiền đã vay, bà H đã nhiều lần yêu cầu chị H1 trả nợ, nhưng chị H1 không trả. Ngày 08/01/2021 chị H1 viết giấy cam kết trả đủ tiền đã vay cho bà H trong thời gian 15 ngày, nhưng đến nay chị H1 vẫn không trả được là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H1 trả 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) đã vay. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G được quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn chị Trần Thị H1 tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn chị Trần Thị H1 để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị H1 vắng mặt lần thứ 2 mà không có căn cứ vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị H1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của của Nguyên đơn: Theo giấy nhận nợ do nguyên đơn bà Đinh Thị H cung cấp, thể hiện ngày 24/12/2020 chị Trần Thị H1

có vay 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) của bà H để đáo nợ ngân hàng, thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày, không thỏa thuận trả lãi và chị H1 là người viết giấy nhận nợ. Sau khi vay và đáo nợ xong, thì chị H1 không trả lại số tiền đã vay cho bà H theo thỏa thuận, dẫn đến tranh chấp. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H cần được chấp nhận và buộc chị Trần Thị H1 phải trả 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H được chấp nhận. Do đó cần buộc bị đơn chị Trần Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

$352.207.000đ \times 5\% = 17.610.350đ$  (mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Cần tuyên trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn bà Đinh Thị H theo pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H.
2. Buộc chị Trần Thị H1 phải trả cho bà Đinh Thị H 352.207.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) đã vay.
3. Buộc chị Trần Thị H1 phải chịu 17.610.350đ (mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn ba trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.
4. Trả lại cho bà Đinh Thị H 8.805.000đ (Tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008364 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/5/2021). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND ;
- Các đương sự;
- CCTHADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**